

## CHƯƠNG TRÌNH HỘI VIÊN COLUMBIA ASIA SÀI GÒN 2020

Phòng khám Columbia Asia Sài Gòn kết hợp với Bảo hiểm Bảo Việt ra mắt Chương trình Hội viên – Chăm sóc sức khỏe toàn diện dành cho Quý Hội viên đăng ký

### I. ĐIỀU KIỆN TRỞ THÀNH HỘI VIÊN

- Trẻ em từ 01 tuổi đến dưới 18 tuổi phải tham gia cùng bố/mẹ/người giám hộ và tất cả các chương trình không cao hơn chương trình của bố/mẹ/người giám hộ (Đính kèm bản sao Giấy Khai Sinh)
- Hội viên từ 18 tuổi trở lên tự khai riêng Giấy Yêu Cầu Bảo Hiểm.
- Hội viên tham gia bảo hiểm trong độ tuổi từ 01 tuổi đến 60 tuổi (tái tục đến năm 65 tuổi) với điều kiện:
  - Không bị bệnh tâm thần, bệnh phong hoặc bị thương tật vĩnh viễn từ 50% trở lên.
  - Không đang điều trị ung thư hoặc các biến chứng liên quan hoặc các loại bệnh và thương tật khác (bao gồm cả trường hợp đang điều trị tại thời điểm đăng ký hoặc mới phát bệnh trong thời hạn bảo hiểm).

### II. QUYỀN LỢI HỘI VIÊN

| CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM (VND)                                                                                                                                                           | CLASSIC                                                           | ESSENTIAL                                                         | GOLD                                                             | PLATINUM                                                          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| <b>ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ DO ỐM ĐAU, BỆNH TẬT, TAI NẠN (Nhập viện đủ 24h/ điều trị trong ngày)</b><br>Các giới hạn phụ:                                                                     | <b>230.000.000/ năm</b>                                           | <b>230.000.000/ năm</b>                                           | <b>342.000.000/ năm</b>                                          | <b>454.000.000/ năm</b>                                           |
| <b>A</b> 1. Chi phí nằm viện:<br>- Chi phí phòng, giường bệnh<br>- Chi phí phòng chăm sóc đặc biệt<br>- Các chi phí bệnh viện tổng hợp (Không thanh toán chi phí điều trị trong ngày) | 5.000.000/ ngày, Lên đến 100.000.000/ năm, không quá 60 ngày/năm. | 5.000.000/ ngày, Lên đến 100.000.000/ năm, không quá 60 ngày/năm. | 7.500.000/ ngày, Lên đến 150.000.000/ năm, không quá 60 ngày/năm | 10.000.000/ ngày, Lên đến 200.000.000/ năm, không quá 60 ngày/năm |
| 2. Chi phí khám và điều trị trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện                                                                                                                    | 5.000.000/ năm                                                    | 5.000.000/ năm                                                    | 7.500.000/ năm                                                   | 10.000.000/ năm                                                   |
| 3. Chi phí khám và điều trị trong vòng 30 ngày sau khi xuất viện                                                                                                                      | 5.000.000/ năm                                                    | 5.000.000/ năm                                                    | 7.500.000/ năm                                                   | 10.000.000/ năm                                                   |
| 4. Dịch vụ xe cứu thương, xe cấp cứu bằng đường bộ                                                                                                                                    | 10.000.000/ năm                                                   | 10.000.000/ năm                                                   | 10.000.000/ năm                                                  | 10.000.000/ năm                                                   |
| 5. Chi phí phẫu thuật (không bảo hiểm các bộ phận nội tạng và chi phí hiến các bộ phận nội tạng)                                                                                      | 100.000.000/ năm                                                  | 100.000.000/ năm                                                  | 150.000.000/ năm                                                 | 200.000.000/ năm                                                  |

|                                   |                                                                  |                                                                                                                                                                |                                     |                                     |                                     |
|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|                                   | 6. Phục hồi chức năng (tại phòng chuyên khoa phục hồi chức năng) | 10.000.000/ năm                                                                                                                                                | 10.000.000/ năm                     | 15.000.000/ năm                     | 20.000.000/ năm                     |
|                                   | 7. Trợ cấp bệnh viện công (tối đa 60 ngày/năm)                   | 200.000/ ngày                                                                                                                                                  | 200.000/ ngày                       | 300.000/ ngày                       | 400.000/ ngày                       |
|                                   | 8. Trợ cấp mai táng phí trong trường hợp tử vong tại bệnh viện   | 500.000/vụ                                                                                                                                                     | 500.000/vụ                          | 500.000/vụ                          | 500.000/vụ                          |
|                                   | <b>ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ DO ỐM BỆNH, TAI NẠN</b>                    | <b>Không tham gia</b>                                                                                                                                          | <b>6.000.000/ năm</b>               | <b>10.000.000/ năm</b>              | <b>15.000.000/ năm</b>              |
| <b>B</b>                          | Giới hạn số tiền tối đa cho 1 lần khám                           | Không tham gia                                                                                                                                                 | 1.200.000/lần, không quá 10 lần/năm | 2.000.000/lần, không quá 10 lần/năm | 3.000.000/lần, không quá 10 lần/năm |
|                                   | Điều trị vật lý trị liệu                                         | Không tham gia                                                                                                                                                 | 50.000/ngày, không quá 60 ngày/năm  | 100.000/ngày, không quá 60 ngày/năm | 150.000/ngày, không quá 60 ngày/năm |
| <b>C</b>                          | <b>TỬ VONG DO TAI NẠN CÁ NHÂN</b>                                | <b>50.000.000/ năm</b>                                                                                                                                         | <b>50.000.000/ năm</b>              | <b>80.000.000/ năm</b>              | <b>100.000.000/ năm</b>             |
| <b>MỨC MIỄN THUỜNG/ KHẤU TRỪ:</b> |                                                                  | <b>Áp dụng đồng bảo hiểm 70/30 cho nội trú và ngoại trú đối với:</b><br>- Trẻ em dưới 09 tuổi.<br>- Điều trị liên quan đến tái tạo dây chằng và rách sụn chêm. |                                     |                                     |                                     |

III. PHÍ BẢO HIỂM

| ĐỘ TUỔI                                | CLASSIC   | ESSENTIAL  | GOLD       | PLATINUM   |
|----------------------------------------|-----------|------------|------------|------------|
| Từ 1 đến 3 tuổi                        | 6,285,000 | 10,029,000 | 14,736,000 | 19,746,000 |
| Từ 4 đến 6 tuổi                        | 4,205,000 | 6,701,000  | 9,848,000  | 13,194,000 |
| Từ 7 đến 9 tuổi                        | 3,555,000 | 5,661,000  | 8,320,500  | 11,146,500 |
| Từ 10 đến 18 tuổi                      | 2,775,000 | 4,413,000  | 6,487,500  | 8,689,500  |
| Từ 19 đến 30 tuổi                      | 2,645,000 | 4,205,000  | 6,182,000  | 8,280,000  |
| Từ 31 đến 40 tuổi                      | 2,905,000 | 4,621,000  | 6,793,000  | 9,099,000  |
| Từ 41 đến 50 tuổi                      | 3,035,000 | 4,829,000  | 7,098,500  | 9,508,500  |
| Từ 51 đến 60 tuổi                      | 3,165,000 | 5,037,000  | 7,404,000  | 9,918,000  |
| Từ 61 đến 65 tuổi (Trường hợp tái tục) | 3,425,000 | 5,453,000  | 8,015,000  | 10,737,000 |

IV. THỜI GIAN CHỜ

|                                                                                                                                                                                                    |         |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| Đối với các trường hợp ốm đau, bệnh tật thông thường (bao gồm cả thời gian phát bệnh cho đến khi kết thúc đợt điều trị. Tính theo thời điểm thời điểm có bệnh, không tính theo thời điểm điều trị) | 30 ngày |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

|                                                                                                                                                                               |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| Biến chứng thai sản theo định nghĩa                                                                                                                                           | 90 ngày  |
| Bệnh/thương tật có sẵn bao gồm nhưng không giới hạn:<br>- Điều trị dây chằng và rách sụn chêm.<br>- Các bệnh được liệt kê tại Điểm loại trừ chung số 36 của Quy tắc bảo hiểm. | 365 ngày |
| Bệnh đặc biệt theo định nghĩa.                                                                                                                                                | 365 ngày |
| Bệnh viêm phế quản, tiểu phế quản, viêm phổi các loại đối với trẻ em đến 6 tuổi                                                                                               | 180 ngày |

**Lưu ý:** Trường hợp Hội viên tham gia bảo hiểm liên tục đồng thời nâng mức trách nhiệm bảo hiểm (chuyển nhóm) khi tái tục: Áp dụng thời gian chờ theo quy định cho phần mức trách nhiệm tăng thêm so với mức trách nhiệm đã tham gia.

#### IV. DANH SÁCH BỆNH VIỆN VÀ PHÒNG KHÁM ĐƯỢC ÁP DỤNG

Thẻ hội viên chỉ được khám chữa bệnh tại các bệnh viện và phòng khám thuộc chi nhánh HCM của hệ thống Columbia Asia Việt Nam.

##### 1. Phòng khám Quốc tế Columbia Asia Saigon

08 Alexandre De Rhodes, Quận 1, Thành phố HCM

Tel: (028) 3823 8888

Để gặp bộ phận bảo hiểm, vui lòng liên hệ (028) 3823 8455

##### 2. Bệnh viện Quốc tế Columbia Asia Gia Định

01 Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP HCM

Tel: (028) 3803 0678

Để gặp bộ phận bảo hiểm, vui lòng liên hệ (028) 3551 1988 hoặc (028) 3510 9828